

Rx PRESCRIPTION MEDICINE
Mupirocin and Betamethasone
Dipropionate Ointment

Supirocin-B Ointment

5 g

glenmark

Batch No:
Mfg Date: dd/mm/yyyy
Expiry : dd/mm/yyyy

PE00000-0212 VN

MANUFACTURED BY
glenmark
PHARMACEUTICALS LTD.

AT: PLOT NO. E-37, 39, MIDC AREA,
SATPUR, NASIK - 422 007,
MAHARASHTRA, INDIA.
© Trade Mark

VISA NO.:
Mfg. Lic. No. NKD/543



FOR EXTERNAL APPLICATION ONLY

Store below 30°C. Do not freeze
CAREFULLY READ THE INSERT BEFORE USE
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.

Indication, Administration
& Contra-indication: See package insert

UNAVRNISH AREA

Supirocin-B
Ointment

Rx PRESCRIPTION MEDICINE
Mupirocin and Betamethasone
Dipropionate Ointment

Supirocin-B Ointment

5 g

glenmark

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
DÃ PHÊ DUYỆT
Lần đầu: 23/11/15

COMPOSITION:

Mupirocin USP 2% w/w
Betamethasone Dipropionate USP
equivalent to Betamethasone 0.05% w/w
Water soluble base q.s.

Specification: In-house

Rx Thuốc bán theo đơn THUỐC MỠ SUPIROCIN B

Thành phần: Thuốc mỡ Mupirocin USP 2%, và Betamethasone
Dipropionate USP tương đương với Betamethasone 0,05%

SDK: VN- Quy cách: Hộp/ tuýp 5g. Bảo quản: bảo quản dưới 30°C. Tránh đông lạnh.
Số lô SX, NSX, HD xem "Batch No.", "Mfg Date", "Exp Date" trên bao bì
Độc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để thuốc tránh xa tầm tay trẻ em. Sử dụng
trong vòng 03 tháng sau khi mở nắp.

Sản xuất bởi: Glenmark Pharmaceuticals Ltd
Plot No. E37-39, MIDC Area, Satpur, Nasik 422 007, Ấn Độ

DNNK:



18 mm

19/1/87
(28/5/15)

Rx PRESCRIPTION MEDICINE

Mupirocin and Betamethasone Dipropionate Ointment

SupirocinTM-B Ointment

 **glenmark**

5 g



COMPOSITION:

Mupirocin USP 2% w/w
Betamethasone Dipropionate USP
equivalent to
Betamethasone 0.05% w/w
Water soluble base q.s.

Store below 30°C. Do not freeze.
Puncture nozzle seal with
piercing point of cap.

**CAREFULLY READ THE INSERT BEFORE USE
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.**

Indication, Administration

& Contra-indication: See package insert

FOR EXTERNAL APPLICATION ONLY

Specification: In-house

VISA NO.:

Mfg. Lic. No. NKD/543

MANUFACTURED BY

 **glenmark**
PHARMACEUTICALS LTD.

AT: PLOT NO. E-37, 39, MIDC AREA,
SATPUR, NASIK - 422 007,
MAHARASHTRA, INDIA.
Trade Mark

PE00000-0212 VN
Manufacturing Date
24 Months before Expiry Date
Batch No. & Expiry Date
on Crimp



Batch No:
Mfg Date: dd/mm/yyyy
Expiry : dd/mm/yyyy

77 mm

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ. Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ.

Thuốc mỡ SUPIROCIN-B

Thuốc mỡ Mupirocin & Betamethasone Dipropionate

THÀNH PHẦN

Mupirocin USP	2% kl/kl
Betamethasone Dipropionate USP tương đương với Betamethasone	0,05% kl/kl
Tá dược nền tan trong nước (PEG 400, PEG 4000)	vđ

DƯỢC LỰC HỌC:

Mupirocin là một kháng sinh có cơ chế tác dụng là ức chế tổng hợp protein của vi khuẩn do gắn kết đặc hiệu có thể hồi phục với enzym iso-leucyl transfer RNA synthetase của vi khuẩn. Do cơ chế tác dụng đặc biệt này, mupirocin trong ống nghiệm không bị kháng chéo với các nhóm thuốc kháng khuẩn khác.

Các corticosteroid dùng tại chỗ như Betamethasone Dipropionate có tác dụng điều trị hiệu quả các bệnh da có đáp ứng với corticosteroid, vì có tác dụng kháng viêm, chống ngứa và làm co mạch.

DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Chỉ có một lượng nhỏ Mupirocin khi dùng dạng mỡ bôi được hấp thu qua da đi vào máu, ở đó nó được chuyển hoá nhanh thành acid monic và thải ra ngoài qua nước tiểu.

Betamethasone dipropionate hầu như rất ít hấp thu qua da. Tuy nhiên, việc sử dụng dài ngày với một lượng lớn, hoặc điều trị trên diện rộng có thể dẫn đến hấp thu toàn thân betamethasone đủ để gây ra hiện tượng suy chức năng vỏ thượng thận. Tác dụng này thường xảy ra với trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, và khi băng kín vùng điều trị.

CHỈ ĐỊNH

SUPIROCIN B được chỉ định để điều trị các bệnh da đáp ứng với corticosteroid có nhiễm khuẩn thứ phát.

LIỀU DÙNG & CÁCH DÙNG

Bôi thuốc mỡ SUPIROCIN B lên các vùng bị tổn thương 2 đến 3 lần mỗi ngày trong 5 đến 14 ngày. Chỉ dùng cho các tổn thương có chiều dài không quá 10cm hoặc diện tích không quá 100cm². Sau 3 đến 5 ngày mà không thấy có đáp ứng tốt thì cần phải đánh giá lại bệnh.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Quá mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.

THẬN TRỌNG & CẢNH BÁO

1. Supirocin B chứa Polyethylene glycol, do đó không nên bôi lên vùng da bị rách, các vết thương mở lớn hay bóng rộp.
2. Không dùng các công thức chứa Polyethylene glycol cho các bệnh nhân bị suy thận vừa và nặng.
3. Tránh để thuốc chảy vào mắt.
4. Dùng kéo dài có thể gây ra sự quá phát các vi sinh vật không mẫn cảm với thuốc kể cả nấm.
5. Hấp thu toàn thân các corticosteroid dùng tại chỗ có thể gây ức chế trục HPA (dưới đồi-tuyến yên-thượng thận), các biểu hiện của hội chứng Cushing, tăng glucose huyết và glucose niệu ở một vài bệnh nhân.
6. Tác dụng toàn thân có thể tăng ở một số tình trạng như dùng các corticosteroid mạnh, bôi diện tích lớn, bôi kéo dài hoặc băng kín. Dùng nhiều hơn một thuốc chứa corticosteroid cùng một lúc cũng làm tăng phơi nhiễm corticosteroid toàn thân.

CÁC TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Thuốc nói chung được dung nạp tốt. Có thể có các tác dụng bất lợi như cảm giác bỏng rát, kim châm, teo da, rạn da, khô da, các mụn kiểu trứng cá, giảm sắc tố. Betamethasone Dipropionate bị hấp thu vào cơ thể có thể gây ức chế trục HPA (dưới đồi-tuyến yên-thượng thận), các biểu hiện của hội chứng Cushing, tăng glucose huyết và glucose niệu ở một vài bệnh nhân.

PHỤ NỮ MANG THAI: Chưa có các nghiên cứu đầy đủ trên phụ nữ mang thai. Chỉ nên dùng mupirocin hay các corticosteroid tại chỗ cho phụ nữ có thai khi đã cân nhắc kỹ giữa lợi ích và rủi ro có thể xảy ra cho thai nhi, theo chỉ định của bác sĩ.

PHỤ NỮ CHO CON BÚ: Nên thận trọng khi dùng corticosteroid hoặc mupirocin tại chỗ cho phụ nữ nuôi con bú, chỉ dùng khi bác sĩ thấy thật sự cần thiết.

Ảnh hưởng lên khả năng lái xe hay vận hành máy móc: Không có.

Thông báo với bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

TƯƠNG TÁC THUỐC: Chưa được biết.

QUÁ LIỀU: Chưa có trường hợp dùng quá liều nào được báo cáo với Mupirocin. Vì mupirocin rất ít hấp thu vào cơ thể, nên hầu như không có khả năng bị dùng quá liều Mupirocin.

Hấp thu toàn thân các corticosteroid dùng tại chỗ có thể gây ức chế trục HPA (dưới đồi-tuyến yên-thượng thận), các biểu hiện của hội chứng Cushing, tăng glucose huyết và glucose niệu ở một vài bệnh nhân. Bệnh nhân bôi liều lớn thuốc cho một vùng rộng cần kiểm tra định kỳ chức năng trục HPA bởi thử cortisol tự do trong nước tiểu và kích thích ACTH. Nếu thấy có ức chế trục HPA, cần ngừng thuốc, giảm số lần dùng, hoặc thay bằng một corticosteroid yếu hơn.

BẢO QUẢN: Bảo quản ở nhiệt độ không quá 30°C. Không để đông lạnh.

Đề ngoài tầm tay trẻ em. Không dùng thuốc quá hạn sử dụng.

TRÌNH BÀY: Tuýp 5 g.

Tiêu chuẩn: Nhà sản xuất.

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Khi đã mở, tuýp thuốc phải được dùng trong vòng 3 tháng.

Sản xuất bởi: **GLENMARK PHARMACEUTICALS LTD.**

Plot No. E-37, 39 MIDC Area, Satpur, Nasik-422 007, Maharashtra, INDIA



